

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-ST

Ngày: 04-8-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Giáo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội, hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐSt-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Y, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 2C/6 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H (tên thường gọi: P), sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn N, xã H, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị Y trình bày:**

Năm 2017, chị Nguyễn Thị H mượn tiền chị nhiều lần, có viết giấy mượn tiền, cụ thể: ngày 5-7-2017 mượn 5.000.000đ, ngày 8-7-2017 mượn 5.000.000đ và mượn số tiền lặt vặt khoảng 500.000đ đến 1.000.000đ, khi hai bên chốt sổ tổng cộng tiền lặt vặt lại là 5.050.000đ. Sau đó (không nhớ ngày cụ thể) chị thay chị H trả nợ cho ông Chương 2.000.000đ. Tổng cộng chị H đã mượn 17.050.000đ.

Trong năm 2017, chị H còn nợ tiền hội của chị, cụ thể: Dây hội 15 người mỗi tháng đóng 2.000.000đ, đã đóng 03 tháng 6.000.000đ, còn nợ 24.000.000đ; Dây hội 15 người mỗi tháng đóng 1.000.000đ, chưa đóng kì nào. Tổng cộng nợ hội 38.000.000đ.

Từ năm 2017 đến nay chị H lánh mặt nên chưa trả khoản tiền nào. Ngày 10-01-2020 (AL) chị gặp chị H, chị H tính số nợ và ghi giấy cho chị, nhưng chị H tính sai số tiền mượn và tiền hui nên chị không chấp nhận giấy ghi nợ này và đã xé bỏ.

Chị xác định hiện chị H còn nợ chị tổng số tiền 55.050.000đ, yêu cầu chị H có trách nhiệm trả, yêu cầu tính lãi số tiền mượn 15.050.000đ kể từ ngày 08-7-2017 cho đến nay, lãi suất theo quy định pháp luật.

*** Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Năm 2017, chị nhiều lần mượn tiền chị Y để chi tiêu, cụ thể: ngày 5-7-2017 mượn chị Y 5.000.000đ, ngày 8-7-2017 mượn 5.000.000đ và tiền mượn lật vật là 5.050.000đ, chị viết giấy nợ cho chị Y. Sau đó chị Y cần tiền mà chị chưa có khả năng trả nên giữa hai bên thỏa thuận chị Y rút tiền từ 02 dây hui: 15 người mỗi tháng đóng 2.000.000đ và 14 người mỗi tháng đóng 1.000.000đ trừ vào khoản tiền chị đã mượn, hằng tháng chị sẽ đóng tiền hui cho chị Y. Đến ngày 06-4-2020 hai bên chốt số nợ là 49.100.000đ, chị đã viết giấy nợ cho chị Y.

Chị xác định hiện còn nợ chị Y số tiền:

- Dây hui 15 người mỗi tháng đóng 2.000.000đ, chị đã đóng 3 tháng 6.000.000đ, hiện còn nợ 24.000.000đ.
- Dây hui 14 người mỗi tháng đóng 1.000.000đ, chị chưa đóng tiền, hiện còn nợ 14.000.000đ.
- Tiền mượn đã trả 3.450.000đ còn nợ 11.600.000đ

Tổng cộng chị còn nợ chị Y số tiền 49.600.000đ, ngoài ra không còn khoản nợ nào khác, chị chỉ chấp nhận trả 49.600.000đ gốc, xin được trả dần mỗi tháng 500.000đ, không đồng ý trả lãi.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên Tòa:**

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Y. Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Y 38.000.000đ tiền nợ hui, 15.050.000đ tiền mượn, tính lãi số tiền mượn từ ngày 08/7/2017 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Phan Thị Y khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả tiền nợ hui và tiền vay mượn cho nguyên đơn nên quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Nguyễn Thị H đang cư trú tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về nợ hui: Chị Phan Thị Y yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị H trả nợ hui 38.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chị Phan Thị Y đưa ra là Giấy theo dõi tiền mượn và hui (bút lục 29). Chị Nguyễn Thị H thừa nhận Giấy theo dõi tiền mượn và hui mà chị Y cung cấp do chính chị viết và thống nhất số tiền hui còn nợ chị Y là 38.000.000đ là phù hợp.

[2.2] Về tiền vay mượn: Chị Phan Thị Y yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị H trả tiền vay mượn còn nợ là 17.050.000đ, trong đó 15.050.000đ theo chứng cứ “Giấy theo dõi tiền vay mượn” (bút lục 30) và 2.000.000đ chị trả nợ cho ông Chương thay chị H. Chị Nguyễn Thị H xác định “Giấy theo dõi tiền vay mượn” (bút lục 30) do chính chị viết nhưng chị đã trả nợ một phần, hiện chỉ còn nợ 11.600.000đ.

Đối với số tiền 15.050.000đ theo “Giấy theo dõi tiền vay mượn”, chị H thừa nhận số nợ và cho rằng đã trả 3.450.000đ, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả nợ, chị Y xác định chưa trả khoản tiền nào, nên xác định chị Nguyễn Thị H còn nợ chị Phan Thị Y 15.050.000đ.

Đối với số tiền 2.000.000đ chị Phan Thị Y trả nợ thay nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, chị Nguyễn Thị H không thừa nhận nên không có căn cứ xác định số nợ này.

Trong “Giấy theo dõi tiền vay mượn” mà nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: số tiền vay, không có kỳ hạn trả nợ, không có lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất. Chị Y yêu cầu tính lãi chậm trả, căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP mức lãi suất được tính 10%/năm kể từ thời điểm chậm trả, thời điểm chậm trả được xác định kể từ ngày 08/7/2017 (ngày chị H chốt số nợ trong sổ chị Y) đến ngày xét xử (04-8-2020) là 1122 ngày, số tiền lãi chị H phải trả là $(15.050.000đ \times 10\% \times 1122) : 365 = 4.626.000đ$.

[2.3] Chị Nguyễn Thị H xin được trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ, tuy nhiên yêu cầu này không được chị Phan Thị Y chấp nhận, nên bác yêu cầu trả dần của chị Nguyễn Thị H.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm $(38.000.000đ + 15.050.000đ + 4.626.000đ) \times 5\% = 2.883.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Y. Buộc chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Y 38.000.000đ nợ hội, 15.050.000đ nợ vay gốc và 4.626.000đ lãi, tổng cộng là 57.676.000đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/Án phí:

2.1/ Chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.883.000đ (hai triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng).

2.2/ Hoàn trả 1.605.000đ (một triệu sáu trăm linh năm đồng) tạm ứng án phí cho chị Phan Thị Y theo biên lai thu tiền số 0001254 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phan Công Giáo